

Bản án số: 03A/2025/HS-PT
Ngày: 02 - 01 - 2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Trí Tuấn

Các thẩm phán nhân dân:

1. Ông Phan Văn Yên

2. Ông Phan Nhựt Bình

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 27 tháng 12 năm 2024 và ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 730/2024/HSST ngày 07/8/2024.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 308/2024/HS –ST ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1., Họ và tên: **Nguyễn Tuyết L5**, giới tính: nữ; sinh năm 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi đăng ký thường trú: 7 B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú lúc phạm tội: 5 Đường số A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Học vấn lớp 10/12; nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Tuyết M; Chồng là L B K và có 02 con đứa lớn sinh ngày 14/02/2021, đứa nhỏ sinh ngày 25/10/2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/9/2023 cho đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Tài Minh N**, giới tính: nam; sinh năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi đăng ký thường trú: E V, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú lúc phạm tội: D B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh; Học vấn lớp 12/12; Nghề nghiệp trước lúc phạm tội: Cán bộ Thành đoàn Thành phố H; bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 76-QĐ/UBKT.ĐUK ngày 23/11/2023. Con ông Nguyễn Tài P1 và bà Nguyễn Thị Ngọc D; vợ là Nguyễn Thị Thùy T và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/9/2023 cho đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo bị cáo Nguyễn Tuyết L5:

1/ Ông Nguyễn Trung T1 là Luật sư của Công ty L7 và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

2/ Ông Nguyễn Tiến H1 là Luật sư của Công ty L8, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

3/ Ông Lê Trường H2 là Luật sư của Công ty L8, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tài Minh N: Bà Đặng Thị Nhật K và ông Nguyễn Thái H3 là Luật sư của Công ty L9, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 45 phút, ngày 12/3/2023, Phòng Lãnh Sự thuộc Sở Ngoại Vụ Thành phố H chuyển Công hàm số 149/PK/HCMC/III/2023 của T13 tại Thành phố Hồ Chí Minh đến Phòng Q1 của Công an Thành phố H, về việc 30 công dân Indonesia đến T13 trình báo việc bị đưa sang Việt Nam để hoạt động lừa đảo qua mạng. Ngày 17/3/2023, Cơ quan An ninh điều tra, Công an Thành phố H tiếp nhận nguồn tin về tội phạm nói trên, do Phòng Q1 chuyển đến.

Ngày 18/3/2023, Cơ quan An ninh điều tra, Công an Thành phố H ra Quyết định khởi tố vụ án, ngày 21/3/2023 ra Quyết định khởi tố bị can đối với L10, Thông J và G2, ngày 25/9/2023 ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Tuyết L5 và Nguyễn Tài Minh N. Quá trình điều tra, L B K, Thông J, Gan B, Nguyễn Tuyết L5, Nguyễn Tài Minh N đã khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng năm 2015, trong quá trình làm “Đại lý” cho một công ty “Casino online” ở Malaysia, cụ thể là ứng dụng đánh bạc trực tuyến tên “WinBox” thì Leaw Boon K1 đã gặp một người tên “Brother B” (không rõ lai lịch) cùng làm “Đại lý” cho “WinBox”. Đến đầu năm 2020, “Brother B” cho biết muốn phát triển ứng dụng đánh bạc “Winbox” sang thị trường Indonesia để kiếm được lợi nhuận nhiều hơn. “Brother B” biết K1 có vợ là người Việt Nam và thường xuyên qua lại Việt Nam nên “Brother B” đã nhờ K1 tìm thuê nhà ở Việt Nam để đặt “Calling Center” (Tổng đài chăm sóc khách hàng và tư vấn, lôi kéo người tham gia đánh bạc) để “Brother B” đưa người qua làm việc và hứa sẽ trả tiền công cho K1 khoảng 50.000.000đ/tháng thì K1 đồng ý. Sau đó, Leaw B K1 nói với vợ là Nguyễn Tuyết L5 tìm thuê nhà tại Việt Nam để K1 và bạn mở công ty

dịch vụ game cá cược trực tuyến, nên L5 liên hệ Nguyễn Tài Minh N thuê căn nhà địa chỉ D B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là khách sạn “Sunny” cũ mà N thuê lại từ ngân hàng S2. Giá thuê ban đầu là 102.300.000đ/tháng tính từ năm 2020 đến hết năm 2021 và 109.000.000đ/tháng kể từ năm 2022 đến tháng 3 năm 2023, chưa bao gồm tiền điện, nước và các khoản chi phí khác. Theo thỏa thuận thì Nguyễn Tài Minh N làm thủ tục xin Giấy phép và đăng ký tạm trú cho những người nước ngoài lưu trú tại căn nhà này, còn L5 thì có trách nhiệm cung cấp hộ chiếu, thông tin liên quan của những người này để N đi đăng ký. Hàng tháng L5 sẽ trả thêm cho Nguyễn Tài Minh N 15.000.000đ tiền công thuê nhà và 40.000.000đ để làm thủ tục đăng ký Giấy phép kinh doanh cơ sở lưu trú cho người nước ngoài thuê, đồng thời đăng ký tạm trú cho người nước ngoài lưu trú. Sau khi thỏa thuận được với Nguyễn Tài Minh N thì Nguyễn Tuyết L5 đã báo lại cho K1 biết nội dung thỏa thuận để K1 thông tin cho “Brother B” biết và theo yêu cầu của “Brother B” thì K1 nói với L5 tìm thuê một đơn vị để sửa chữa lại nhà. Sau khi sửa chữa nhà xong Nguyễn Tuyết L5 giao lại chìa khóa nhà để K1 giao căn nhà lại cho người tên “Chien” (không rõ lai lịch, làm việc cho “Brother B”) quản lý và sử dụng. Tuy nhiên từ năm 2020 đến đầu năm 2022, do dịch bệnh Covid-19 tại Việt Nam diễn biến phức tạp nên các đối tượng không hoạt động được dịch vụ game cá cược trực tuyến và hoạt động phạm pháp tại Indonesia.

Sau khi thuê căn nhà nói trên khoảng 03 tháng thì B4 tiếp tục yêu cầu K1 tìm thuê thêm 01 căn nhà khác nên K1 nói Nguyễn Tuyết L5 và L5 nhờ Nguyễn Tài Minh N thuê được căn nhà số A Quốc lộ A, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. N là người đứng tên trên hợp đồng thuê nhà và sau khi sửa chữa căn nhà thì K1 giao lại chìa khóa cho Chien quản lý và sử dụng. C1 đã thuê đơn vị lắp đặt thêm một số thiết bị và xây dựng các phòng cách âm bên trong căn nhà, nhằm mục đích sau khi huấn luyện nhóm người Indonesia xong thì sẽ đưa họ sang căn nhà đó để thực hiện các hoạt động lừa đảo. Hàng tháng, K1 nói Nguyễn Tuyết L5 thanh toán tiền thuê căn nhà này, cụ thể từ tháng 5 năm 2020 đến tháng 5 năm 2022 là 145.000.000đ/tháng, kể từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023 là 159.500.000đ/tháng. Tuy nhiên cả K1, L5 và N đều chưa được hưởng lợi từ việc thuê căn nhà này, do thực tế chưa có người vào làm việc tại đây.

Từ khoảng tháng 3 năm 2022, Brother B bắt đầu đưa người nhập cảnh vào Việt Nam làm việc. Ban đầu Brother B chỉ đưa những người Malaysia qua trước để chuẩn bị công cụ, phương tiện, máy móc và kịch bản để huấn luyện cho người Indonesia. Theo yêu cầu của B4 thì K1 đã giới thiệu một người làm dịch vụ du lịch ở Malaysia tên thường gọi là Y (không rõ nhân thân, lai lịch) cho C1 để liên hệ thuê làm các thủ tục nhập cảnh vào Việt Nam, cũng như đặt vé máy bay cho 05 người Malaysia gồm: L11 (còn gọi là N1), Poon S (SY), Tee C (CT), G2 (B5), Thong J (D). Quá trình đưa đón 05 đối tượng này đều do C1 thực hiện, riêng L do K1 đón, vì L là em họ của K1. Từ ngày 21/11/2022 đến ngày 10/3/2023, “Brother B” lần lượt đưa thêm 06 nhóm, tổng cộng 30 người

Indonesia nhập cảnh vào Việt Nam theo diện “Miễn thị thực”, thời hạn lưu trú 15 ngày, cụ thể:

- Nhóm 01 có 09 người gồm: A BAYU NUGRAHA, A BREMA SINGARIMBUN, Q AL HARIS, R ADITIA, A JAYA, N EDY KRISNA SURBAKTI, R LUBIS, R PRAYANA và Z JEFRIYANTO nhập cảnh vào ngày 21/11/2022, tính tới ngày 12/3/2023 đã quá hạn 96 ngày.

- Nhóm 02 có 05 người gồm: A ARIANDI, M FADLAN, D KURNIAWAN SITORUS, R AH LUBIS và S HANI, nhập cảnh vào ngày 15/12/2022, tính tới ngày 12/3/2023 đã quá hạn 72 ngày.

- Nhóm 03 có 04 người gồm: D SYAPUTRA, R PRATAMA, T SYAHPUTR và L ANGGARA, nhập cảnh vào ngày 22/12/2022, tính tới ngày 12/3/2023 đã quá hạn 65 ngày.

- Nhóm 04 có 02 người gồm: NURDIANA và MUHAMMAD ZEIN INSANI, nhập cảnh vào ngày 24/12/2022, tính tới ngày 12/3/2023 đã quá hạn 64 ngày.

- Nhóm 05 có 05 người gồm: H PRASETIA, M SOFYAN, M , R FALAPI và D TRIYADI, nhập cảnh vào ngày 27/12/2022, tính tới ngày 12/3/2023 đã quá hạn 59 ngày.

- Nhóm 06 có 05 người gồm: A SYAHRI LUBIS, G SUNARYA, I MAULANA TAMPUBOLON, D MUHAMAD GIO và M. DEO DEVA, nhập cảnh vào ngày 10/3/2023, chưa quá hạn.

Trước khi những người Indonesia này nhập cảnh vào Việt Nam thì Brother B sẽ gửi tất cả ảnh và Hộ chiếu cho K1, để liên hệ với Y đặt vé máy bay. Tuy nhiên, K1 chỉ đặt vé cho 02 nhóm đầu tiên theo K1 khai là khoảng 16 người, nhưng thực tế 02 nhóm đầu chỉ có 14 người nhập cảnh. Sau đó K1 yêu cầu C1 tự liên hệ Yee để đặt vé máy bay cho những người Indonesia còn lại. Mỗi vé máy bay đã đặt thì K1 được hưởng chênh lệch khoảng 700.000đ/vé, tổng cộng hưởng lợi được khoảng 11.200.000đ/16 vé. Thông qua việc đặt vé thì K1 biết những người Indonesia này nhập cảnh vào Việt Nam theo diện “Miễn thị thực”, được phép ở lại Việt Nam không quá 30 ngày.

Khi những người Indonesia nhập cảnh vào Việt Nam thì Thong Joon K2 và G2 có nhiệm vụ đến sân bay T đón để đưa về căn nhà D B, Phường B, quận B, rồi thu hộ chiếu, điện thoại của họ để quản lý và không cho ra ngoài. Thông qua việc thu giữ hộ chiếu của những người Indonesia thì K2 và L4 biết những người Indonesia này nhập cảnh vào Việt Nam theo diện “Miễn thị thực”, chỉ được phép ở lại Việt Nam không quá 30 ngày và không thể gia hạn được. Sau đó những người Indonesia này được các đối tượng Leaw B, Poon S, T14 chia thành các nhóm để huấn luyện, đóng giả làm công an hoặc nhân viên giám sát ngân hàng để thực hiện hành vi lừa đảo người dân tại Indonesia. Còn đối tượng C1 thì phụ trách chung việc quản lý, huấn luyện nhóm người Indonesia thực hiện các hoạt động lừa đảo qua mạng. Riêng Leaw Boon K1 thì ngoài việc được Brother B nhờ thuê nhà, thuê xe ô tô, còn được “Brother B” giao phụ trách chi trả

chuyển tiền lương, đưa tiền sinh hoạt hàng tháng cho những người M1 và người Indonesia. Sau khi phát hiện nhóm người Indonesia bỏ trốn thì K2 và Lee báo cho K1 và K1 báo cho Brother B biết. Brother B yêu cầu K1 cùng 05 đối tượng người Malaysia làm nhiệm vụ canh giữ, huấn luyện các đối tượng người Indonesia tiêu hủy đồ vật, tài liệu liên quan đến hành vi phạm pháp của cả nhóm và bỏ trốn về Malaysia. Kiat đã nhắn tin lên nhóm Wechat đề yêu cầu các đối tượng Malaysia phải thu dọn thiết bị, máy móc, đồ vật đưa sang căn nhà tại địa chỉ A Quốc lộ A, phường T, quận B để cất giấu, đồng thời tiêu hủy các tài liệu liên quan đến hành vi phạm pháp. Ngày 12/3/2023, Thong Joon K2, Gan Ban L4 và P3 đã đưa tất cả máy móc, tài liệu, đặt biệt là sổ hộ chiếu của 30 người Indonesia mà các đối tượng đã thu giữ trước đó qua căn nhà ở B và đã đốt sổ tài liệu, máy móc này.

Về việc Nguyễn Tài Minh N cho thuê các căn nhà số D B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và căn 1244 Quốc lộ A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh: Vì N không đăng ký được, do nợ thuế trước đó, nên N đã nhờ em ruột là Nguyễn Tài Minh P2 đứng tên giấy phép kinh doanh cơ sở lưu trú cho người nước ngoài lưu trú. Khoảng tháng 6 đến tháng 7 năm 2022, thông qua việc trả tiền điện nước hàng tháng thì N biết trong căn nhà tại quận B hiện đang có nhiều người nước ngoài sinh sống, nên đã yêu cầu Nguyễn Tuyết L5 cung cấp hộ chiếu của họ để làm thủ tục tạm trú. Nguyễn Tuyết L5 đã chuyển qua Zalo cho N, đồng thời hàng tháng L5 đã chuyển 40.000.000 đồng để N làm thủ tục đăng ký lưu trú cho người nước ngoài, nhưng N không tiến hành đăng ký tạm trú cho họ theo quy định và đã sử dụng số tiền trên vào mục đích cho bản thân.

Về cách thức và số tiền nhận được từ Brother B: K nhờ vợ là Nguyễn Tuyết L5 thống kê lại tất cả các khoản tiền chi phí, tiền điện, nước trong tháng liên quan đến tiền thuê căn nhà số D B, Phường B, quận B và căn nhà số A Quốc lộ A, quận B, tiền thuê xe ô tô, tiền hoa hồng thuê nhà, tiền sửa chữa nhà, tiền sinh hoạt đưa cho C1, Thong J, G Ban Lee. Số tiền mỗi lần dao động từ 50.000.000đ đến 100.000.000đ, khi nào có yêu cầu thì “Brother B” sẽ thông báo cho K1 biết số tiền cần chuyển và khi đó K1 sẽ yêu cầu Nguyễn Tuyết L5 ứng trước tiền. Sau đó, “Brother B” sẽ chuyển một số tiền ảo USDT, B1 và Kim cương, tương ứng với số tiền mà K1 đã báo, cộng với số tiền lương mà Brother B nhờ K1 chuyển trả cho các đối tượng người Malaysia khoảng từ 4000 – 5000 ringit tương ứng với 20.000.000đ đến 25.000.000đ/người và người Indonesia khoảng 3000 ringit, tương ứng với 15.000.000đ/người vào ví tiền ảo của K1. Sau đó, K1 sẽ lên các hội nhóm mua bán tiền ảo trên Wechat để bán số tiền ảo đó đổi thành tiền Việt Nam và chuyển cho Nguyễn Tuyết L5 để L5 thanh toán các khoản chi phí nói trên; đổi thành tiền Malaysia và tiền I để chuyển tiền lương cho các đối tượng người Malaysia và I qua tài khoản ngân hàng mở tại Malaysia và Indonesia. Do phải chuyển số tiền lớn, để tránh rủi ro trong quá trình chuyển tiền nên K1 yêu cầu Nguyễn Tuyết L5 cung cấp nhiều tài khoản khác nhau để nhận tiền, nên L5 đã mượn tài khoản ngân hàng của người thân và bạn bè để nhận tiền từ K1. Tổng cộng từ năm 2020 đến tháng 3/2023, L5 đã nhận được từ K1 khoảng 28.413.625.657đ và L5 đã sử dụng hết khoảng 25.893.940.990đ để

thanh toán các khoản chi phí nói trên, đồng thời giữ lại khoảng 40.000.000đ đến 50.000.000đ/tháng và kể từ tháng 01/2020 đến tháng 02/2023 thì giữ lại khoảng 1.700.000.000đ để chăm sóc con cái và chi tiêu gia đình. Trong số 1.700.000.000đ thì L5 đã được lợi khoảng hơn 800.000.000đ và K1 đã lấy số tiền này để chi tiêu cá nhân khi gia đình K1 sang Việt Nam chơi và tham quan.

Lời khai của L1 Boon Kiat và Nguyễn Tuyết L5 phù hợp với lời khai của Thong Joon K2, G2 và Nguyễn Tài Minh N về việc thực hiện hành vi phạm tội như nêu trên.

- Lời khai của những người liên quan:

Đối với 30 công dân Indonesia nêu trên đến Việt Nam thông qua công ty D3 tại Indonesia quảng cáo, giới thiệu việc làm “Dịch vụ khách sạn, nhà hàng tại Việt Nam”, người đăng ký sẽ đóng tiền tạm ứng là 10 triệu Rupiah tương đương khoảng 15.000.000đ tiền Việt Nam, nếu không đóng tiền tạm ứng thì sẽ được trừ vào tiền lương khi làm việc. Sau đó, số người này được chia thành 06 nhóm nhập cảnh sang Malaysia một ngày và tiếp tục nhập cảnh sang Việt Nam theo diện du lịch, nhóm đầu tiên đến Việt Nam vào giữa tháng 11/2022 và nhóm cuối cùng vào ngày 10/03/2023. Sau khi xuống sân bay T thì được 02 đối tượng người Malaysia tịch thu điện thoại, hộ chiếu và đưa đến khách sạn S3 tại số D B, Phường B, quận B. Tại đây, những người này không được làm việc nhà hàng, khách sạn như thỏa thuận mà bị một nhóm quản lý gồm 06 đối tượng quốc tịch Malaysia huấn luyện và ép buộc làm công việc lừa đảo công dân Indonesia qua điện thoại. Quá trình làm việc, số người Indonesia này không được đi ra ngoài, chỉ làm việc, ăn, ở và sinh hoạt tại địa chỉ trên. Mỗi người Indonesia làm công việc trên được trả lương hàng tháng là 3.000 Ringit (tiền Malaysia, tương đương 15.000.000đ tiền Việt Nam) và tiền lương đều được chuyển vào tài khoản ngân hàng tại Indonesia. Đến ngày 10/03/2023, do không muốn tiếp tục làm việc và mong muốn về nước nên số người Indonesia bàn nhau bỏ trốn. Vào lúc 05 giờ ngày 12/03/2023, sau khi kết thúc ca làm việc, lợi dụng lúc nhóm quản lý đang ngủ thì 30 người Indonesia đã bẻ khoá cửa sổ phòng ngủ tầng 2, bỏ trốn ra ngoài và đến trình báo Tổng lãnh sự quán Indonesia tại Việt Nam như trên. Ngày 07/4/2023, Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố H chuyển hồ sơ đề nghị Phòng Quản lý xuất nhập cảnh ra Quyết định xử phạt hành chính và trục xuất 30 người Indonesia theo quy định (Bút lục 02, 16-55).

Ngày 17/3/2023, Cục Q2 ban hành Công văn số 206/P6 thông báo cho Cơ quan An ninh điều tra biết về việc 25 người Indonesia nhập cảnh vào Việt Nam đến ngày 12/3/2023 đã quá hạn (Bút lục 131, 132, 133 tập tài liệu thu thập tại các cơ quan, tổ chức); Công văn số 1316/PA08-Đ3 ngày 15/3/2023 về việc kết quả xác minh thông tin xuất nhập cảnh của G2 đến ngày 25/8/2022 cũng đã quá hạn (Bút lục 124 tập thủ tục tố tụng).

Đối với các cá nhân có liên quan và một số là người nhận và chuyển khoản tiền cho Nguyễn Tuyết L5 gồm: Nguyễn Văn K3, Nguyễn Tài Minh P2, Nguyễn Thị Tuyết M, Phạm Thị Bích L2, Vũ Thị Cung M2, Lê Hữu C2, Lý Thanh T2, Giang Hoàng T3, Chương T, Hoàng Thị Như Q, Võ Ngọc H4, C Mỹ M, Gian

Thu L3, Trần Thị H5, Trần Thanh H6, Võ Thị Tuyết M3, Hoàng Hương G (do Hoàng Hữu T4 giám hộ), Trần Thị Ngọc H7, Lý Hải M4, Lê Tú T5, Võ Văn M5, Nguyễn Thị T6, C3 Do K4, Ngô Thị Mỹ D1, Trần Thị Hải Y1, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Thị Thu T8, Nguyễn Thị Cẩm V, Phan Thị Ngọc B2, Trịnh Thu T9, Châu Thị Cẩm H8, Lê Hoài T10, Lương Ngọc X, Hoàng D2, Phạm Thị H9: Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh ghi lời khai và xác định do có quen biết với nhau nên đã cho mượn tài khoản để người khác sử dụng và nhận tiền chuyển khoản dùm, đồng thời không biết việc thông tin cá nhân của mình bị người khác sử dụng để thành lập công ty. Do vậy, Cơ quan điều tra đã lấy lời khai với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Kết quả nhận dạng: Thong J, Gan Ban L4 và những người Indonesia nhận dạng được nhau, các đối tượng Malaysia nhận dạng được một số người Indonesia.

Kết quả kiểm tra dữ liệu điện tử thể hiện trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của các bị cáo K, K2, L4, L5 và N về hành vi phạm tội đã thực hiện.

Vật chứng vụ án:

1/ Của bị cáo L B K:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ.
- 06 điện thoại di động màu xanh dương, hiệu Oppo.
- 11 điện thoại di động màu trắng bạc, hiệu Oppo.
- 05 điện thoại di động màu đen, hiệu Oppo.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xanh dương.
- 03 điện thoại di động hiệu Iphone, màu đen.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám.
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen.
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh dương.
- 01 Laptop hiệu MSI, màu đen, số S là K2108N0066994.
- 02 Laptop hiệu MSI, màu đen, đã qua sử dụng, số S/N lần lượt là K2010N1095186 và K2112N0118011.
- 02 Laptop Acer, màu xanh dương, có số S/N lần lượt là NXA8MSM0011190AAFF3400 và NXA8MSM0011190A6C93400.
- 03 Laptop Acer, màu bạc, đã qua sử dụng, số SN lần lượt là NXA1GSM00711904D083400, NXA1GSM00711904D033400 và NXA1GSM00711 9050BB3400.

- 01 thẻ Visa số 5432930000509153 ngân hàng H10, có tên “LEAW BOON KIAT”.

- 01 thẻ Visa số 4766771000405631 ngân hàng H10.

- 01 thẻ Visa số 4678515001819986 ngân hàng H11.

- 21 thẻ sim, hiệu Mobifone, không rõ số điện thoại.

- 13 thẻ sim, hiệu V1, không rõ số điện thoại;

- 04 thẻ sim, hiệu Vinaphone, không rõ số điện thoại.

- 02 USB màu đen, hiệu Sandisk, đã qua sử dụng.

2/ Cửa bị cáo Thong Joon K2:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh dương.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh lá.

- 02 điện thoại di động hiệu Iphone màu xám.

- 01 thẻ Visa số 4283322040360883 ngân hàng M6.

- 01 thẻ debit số 5509890032912692 ngân hàng P4.

3/ Cửa bị cáo Gan Ban L4:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen dụng.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc.

- 01 điện thoại di động có chữ Realme màu xanh dương.

4/ Cửa bị cáo Nguyễn Tuyết L5:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xanh.

- 01 điện thoại di động hiệu S4, màu xanh, số IMEI 1: 355090087007516, IMEI 2: 355091087007514.

- Số tiền 361.200.000đ do Nguyễn Tuyết L5 tự nguyện đóng lại để khắc phục số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Leaw Boon K1.

- Số tiền 315.000.000đ do Nguyễn Tuyết L5 tự nguyện đóng lại để khắc phục số tiền thu lợi bất chính của bản thân.

5/ Cửa bị cáo Nguyễn Tài Minh N:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, IMEI: 357557063334081.

- 01 điện thoại di động hiệu S4, màu tím, IMEI: 357558063327701.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, IMEI: 354505622947604.

- Số tiền 385.000.000 đồng do Nguyễn Tài Minh N tự nguyện đóng lại để khắc phục số tiền thu lợi bất chính của bản thân.

6/ Cửa Poon Sook Yin:

- 02 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen.

- 01 Laptop hiệu ASUS, màu đen, số S là N9NRCX02C597362.
- 02 đầu thu màu đen, hiệu HIK Vision, loại PS-7604N1-K1(B), số serial lần lượt là E02535268 và số serial F18520874.
- 01 điện thoại di động màu xám đen, hiệu Iphone 11 Promax, IMEI: 353914103948027.
- 01 thẻ sim Digi số seri 16130905 00266654 64K(39)W.
- 01 thẻ CIMB số 5196 0321 6282 1637.
- 01 thẻ ALLIANCE 5326 7800 1143 4480.
- 01 thẻ H12 số 4617 7290 1915 1811.
- 01 thẻ P5 số 5509 8900 2645 3026.
- 01 thẻ HSBC AMANAH số 4766 7610 0144 2659.
- 01 thẻ P5 số 4553 8801 8305 7106.
- 01 thẻ H13 số 4678 5150 1050 4306.
- 01 thẻ AFFIN số 4934 7199 0367 6912.

7/ Cửa Leaw Boon Leong:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc, Model A1687FCC ID:BCG.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng.
- 01 điện thoại di động màu đen, hiệu OPPO Reno 5 Pro 5G, số IMEI: 867956051475650.
- 01 thẻ CIMB số 5196 0320 9626 4912.
- 01 thẻ P5 số 5509 8900 2212 2690.

8/ Cửa Tee Cheng S1:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen.
- 01 thoại di động màu đen hiệu Iphone 14 Promax.
- 01 thoại di động màu xanh hiệu Iphone 11 Promax.
- 01 H12 số 4617 7290 1232 0447.
- 01 HSBC Amanah Advance số 4766 7650 0145 0828.
- 01 HSBC Amanah Advance số 4766 7610 0170 1310.
- 01 thẻ BigPay số 5599 9800 9513 0521.
- 01 thẻ M6 số 4632 2520 5408 0762.
- 01 thẻ M7 số 4323 1000 0077 8738.

Tại bản Cáo trạng số 243/CT-VKS-P1 ngày 19/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố L B K, Thong J, Gan B, Nguyễn Tuyết

L5 và Nguyễn Tài Minh N về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 308/2024/HS –ST ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo L B K 08 (T11) năm tù, về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/3/2023.

- Xử phạt bị cáo Thong Joon K2 07 (B3) năm tù, về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/3/2023.

- Xử phạt bị cáo G2 (B3) năm tù, về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/3/2023.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Nguyễn Tuyết L5 còn được áp dụng điểm n, điểm i khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật này.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tài Minh N 07 (B3) năm tù, về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuyết L5 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/7/2024 bị cáo Nguyễn Tuyết L5 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Ngày 08/7/2024 bị cáo Nguyễn Tài Minh N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Lê Trường H2 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L5 trình bày quan điểm: Bị cáo L5 là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh gia đình khó khăn có chồng là L B K là bị cáo trong vụ án phải chấp hành bản án 8 năm tù, phải nuôi 3 con nhỏ là Nguyễn Phương T12, sinh năm 2009, L Y N (sinh năm 2021) và L Y T (sinh năm 2022); phải chăm sóc mẹ và bà ngoại. Cháu

N2 chậm phát triển, tâm thần nhẹ và đang được theo dõi nguy cơ rối loạn phổ tự kỷ. Bị cáo L5 có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo L5 đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính và tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại cho Nhà nước 50.000.000 đồng.

Bị cáo L5 đã tích cực phối hợp với cơ quan điều tra và hỗ trợ cho luật sư Lê Trường H2 làm cầu nối để liên hệ với gia đình của bị cáo L4 và K2 để giúp đỡ, hỗ trợ các bị cáo này nộp lại số tiền thu lợi bất chính và tiền án phí của bị cáo K1. Bị cáo L5 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, t Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo L5.

Từ đó, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo L5; sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo L5 xuống còn 3 năm tù và cho bị cáo hưởng án treo.

Luật sư Nguyễn Thái H3 và luật sư Đặng Thị Nhật K bào chữa cho bị cáo N trình bày quan điểm: Thống nhất quan điểm về tội danh.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án. Tự nguyện khắc phục hậu quả nộp số tiền 385.000.000 đồng. Trong số tiền này có một phần tiền bị cáo tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả. Đề nghị áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự không xem là nộp lại tiền thu lợi bất chính theo Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác. Bị cáo N có nhân thân tốt, có hoàn cảnh gia đình khó khăn: Là trụ cột chính trong gia đình, có con 3 tuổi bị rối loạn khổ tự kỷ, chăm sóc cha mẹ lớn tuổi không khả năng lao động, gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng nhiều người thân là liệt sĩ, thương binh, được thưởng huân chương độc lập, huân chương kháng chiến theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo N, xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt (7 năm tù).

Các bị cáo Nguyễn Tuyết L5 và Nguyễn Tài Minh N thống nhất quan điểm của các luật sư bào chữa cho mình, thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như cáo trạng và bản án sơ thẩm quy kết. Bị cáo L5 xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo. Bị cáo N3 xin giảm nhẹ hình phạt.

Phát biểu quan điểm đối đáp, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã nhìn nhận hành vi phạm tội của bản thân. Kháng cáo của các bị cáo có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm cho bị cáo N từ 1-2 năm tù; giảm cho bị

cáo L5 06 tháng tù còn 3 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các luật sư và các bị cáo không ai tranh luận đối đáp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo nằm trong hạn luật định nên được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] xét nội dung kháng cáo của các bị cáo thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm hai bị cáo nhìn nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như bản án sơ thẩm quy kết.

Bị cáo Nguyễn Tài Minh N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Nguyễn Tuyết L5 kháng cáo xin giảm hình phạt, xin hưởng án treo.

[2.1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ lời khai của các bị cáo L B K, Thong Joon K2, G2 và bị cáo Nguyễn Tuyết L5 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; căn cứ vào các chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được, có đủ căn cứ để xác định: Từ ngày 21/11/2022 đến ngày 10/3/2023, bị cáo Thong Joon K2 và Gan Ban L4, do người có tên “Brother B” quốc tịch Malaysia và bị cáo Leaw Boon K1 chỉ đạo, đã đến sân bay T đón nhận 06 lượt người, tổng cộng là 30 người Indonesia nhập cảnh vào Việt Nam theo diện “Miễn thị thực”. Nhóm người Indonesia này do “Brother B” lừa đưa sang Việt Nam bằng việc mời đi du lịch, nhưng thực chất là giữ họ ở lại Việt Nam, để huấn luyện họ thực hiện hành vi lừa đảo người dân tại Indonesia qua mạng. Theo sự chỉ đạo của “Brother B” và bị cáo Leaw Boon K1 thì khi nhóm người Indonesia do “Brother B” lừa đưa sang Việt Nam đến sân bay T thì bị cáo Thong Joon K2 và Gan Ban Lee tịch thu điện thoại, hộ chiếu và đưa họ đến ở tại khách sạn S3, tại số D B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để nhóm người Malaysia huấn luyện và bắt họ thực hiện hành vi lừa đảo người Indonesia qua mạng. Do bị mắc lừa nên số người Indonesia này đã bàn nhau bỏ trốn và khoảng 05 giờ ngày 12/03/2023, lợi dụng lúc nhóm người Malaysia quản lý đang ngủ, họ đã bẻ khoá cửa sổ phòng ngủ tầng 2, bỏ trốn ra ngoài, rồi tìm đến Tổng lãnh sự quán T13 tại Việt Nam để trình báo. Tính đến ngày 12/03/2023 thì trong số 30 người Indonesia ở tại khách sạn S3 thì có 9 người quá hạn 96 ngày, 5 người quá hạn 72 ngày, 4 người quá hạn 65 ngày, 2 người quá hạn 64 ngày và 5 người quá hạn 59 ngày. Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Leaw Boon K1, Thong J và G2 phạm tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ pháp luật. Tội danh và hình phạt đối với các bị cáo không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Các bị cáo Nguyễn Tuyết L5 và Nguyễn Tài Minh N đã có hành vi cụ thể như sau: Bị cáo Nguyễn Tuyết L5 thuê nhà để bị cáo Leaw Boon K1 đưa

những người Indonesia đến cư trú, nhận tiền chuyển khoản của bị cáo K1 và cung cấp các thông tin tài khoản của người thân, bạn bè cho bị cáo Leaw Boon K1, để bị cáo này chuyển tiền chi trả các khoản tiền lương, chi phí sinh hoạt hàng tháng cho những người Indonesia lưu trú tại Khách sạn S3 và nhờ bị cáo Nguyễn Tài Minh N làm thủ tục đăng ký lưu trú cho số người Indonesia ở tại khách sạn S3. Bị cáo Nguyễn Tài Minh N cho bị cáo Nguyễn Tuyết L5 thuê khách sạn S3 và thuê căn nhà số A Quốc lộ A, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng do nợ thuế nên bị cáo N nhờ em ruột là Nguyễn Tài Minh P2 đứng tên trong các Hợp đồng thuê nhà nhưng bị cáo N là người thu tiền thuê nhà hàng tháng, đóng tiền điện nước. Bị cáo N còn nhận các hộ chiếu của những người Indonesia từ bị cáo Nguyễn Tuyết L5 chuyển đến qua tài khoản Zalo, để làm thủ tục đăng ký lưu trú cho họ, theo yêu cầu của bị cáo L5.

Quá trình thực hiện các công việc mà bị cáo K1 giao và nhờ bị cáo N thuê nhà, đăng ký lưu trú thì bị cáo Nguyễn Tuyết L5 biết được những người cư trú tại căn nhà D B, Phường B, quận B là người nước ngoài và họ đã ở lại Việt Nam đã quá thời hạn. Quá trình thực hiện các công việc mà bị cáo L5 yêu cầu và quá trình thanh toán tiền điện nước thì bị cáo Nguyễn Tài Minh N biết được có nhiều người nước ngoài đang lưu trú tại khách sạn S3 và có nhiều người đã hết hạn lưu trú ở Việt Nam. Nhưng vì để được hưởng lợi tiền hoa hồng cho thuê nhà hàng tháng và tiền của bị cáo L5 nhờ làm thủ tục đăng ký lưu trú cho những người nước ngoài, nên bị cáo nhờ đến Cảnh sát khu vực không kiểm tra khách sạn S3 mà không dám đến Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký lưu trú, vì sợ bị phát hiện.

[2.3] Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết hành vi của bị cáo Nguyễn Tuyết L5 và bị cáo Nguyễn Tài Minh N phạm tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, với vai trò là người giúp sức cho bị cáo L B K là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Lời bào chữa của các luật sư cho các bị cáo cơ bản giống phiên tòa sơ thẩm, đã được cấp sơ thẩm phân tích đầy đủ trong bản án sơ thẩm cấp phúc thẩm thấy không có vấn đề mới.

[4] Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ vai trò của các bị cáo trong vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, cụ thể:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Cấp sơ thẩm xác định: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo đã tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật này. Hai bị cáo Nguyễn Tuyết L5 và Nguyễn Tài Minh N đã nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính.

[4.1.1] Bị cáo Nguyễn Tài Minh N là công dân Việt Nam nhưng không làm tròn bổ phận của người công dân mà còn tiếp tay cho nhóm người nước ngoài hoạt động phạm tội tại Việt Nam, thông qua hành vi nhờ Cảnh sát khu vực không kiểm tra khách sạn S3 trong nhiều tháng, để được hưởng lợi từ tiền hoa hồng cho thuê nhà hàng tháng và tiền mà bị cáo Nguyễn Tuyết L5 trả công trong việc đăng ký lưu trú cho nhóm người Indonesia tại khách sạn này. Với 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm tại Khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Khoản 2 Điều 51 mà bị cáo được hưởng, cấp sơ thẩm xử bị cáo 07 năm tù mức khởi điểm của khung hình phạt là không nặng, tương xứng với hành vi mà hậu quả mà bị cáo gây ra. Bị cáo N kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào khác chứng minh nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4.1.2] Bị cáo Nguyễn Tuyết L5 biết công việc mà bị cáo L B K chỉ đạo làm là hành vi trái pháp luật, nhưng vì là vợ và sống phụ thuộc vào L10 nên phải làm theo sự chỉ đạo của bị cáo này. Bị cáo L5 chỉ làm các công việc tìm người thuê nhà để cho nhóm người Indonexia lưu trú, cung cấp các thông tin tài khoản của người thân và bạn bè cho bị cáo K1, thống kê các khoản tiền chi phí, tiền điện, nước tiền thuê nhà, tiền sửa chữa nhà và tiền thuê xe ô tô để bị cáo Leaw Boon K1 và đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo là người giúp sức có vai trò không đáng kể. Lúc phạm tội thì bị cáo đang mang thai, nên bị cáo L5 còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, n khoản Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo L5.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo L5 hỗ trợ cho luật sư Lê Trường H2 làm cầu nối để liên hệ với gia đình các bị cáo G1 Ban L6 và T15 nộp lại toàn bộ số tiền bắt chính nên Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo L5, như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Do tính chất và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, việc xem xét áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo đã thể hiện tính chất nhân đạo của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo cho hưởng án treo của bị cáo

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a, b Khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Tài Minh N, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo N.

2. Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Tuyết L5; Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo L5;

Tuyên xử:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Nguyễn Tuyết L5 còn được áp dụng điểm n, điểm i khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật này.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tài Minh N 07 (B3) năm tù, về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, n, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Khoản 2 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuyết L5 03 (Ba) năm tù, về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Tài Minh N phải nộp 200.000 đồng, bị cáo L5 không phải nộp.

4. Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1)
- TAND TP.HCM (3)
- VKSND TP.HCM; (1)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Trại tạm giam CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (LMA)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trí Tuấn